SỞ Y TẾ TÂY NINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1257 /TB-BVĐK	*Tây Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá Cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Cung cấp dịch vụ thẩm định E-HSMT và thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026 (lần 2)

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện đa khoa Tây Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch làm cơ sở để tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện cho gói thầu với các nội dung như sau:

- Gói thầu Cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026;

- Gói thầu Cung cấp dịch vụ thẩm định E-HSMT và thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trần Ngọc - Số điện thoại: 0339 831 022

- Đặng Thị Thanh Hải - Số điện thoại: 0906 370 797

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản giấy: Phòng Kế Hoạch – Tổng Hợp thuộc Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, địa chỉ: 626 đường 30/04, Khu phố 5, Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Nhận qua email: toxaydunggia2026@gmail.com File mềm và file Scan (PDF) báo giá.

- Đường link truy cập tải danh mục chi tiết và biểu mẫu thực hiện báo giá: *http://bvdktayninh.ytetayninh.vn/*

Scanned with CamScanner

*** Lưu ý:**

- Nội dung bản giấy và nội dung bản gởi qua email không được khác nhau.
- Ngoài bìa thư ghi rõ:

+ TÊN NHÀ THẦU:
+ NƠI NHẬN: PHÒNG KẾ HOẠCH – TỔNG HỢP THUỘC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH
+ BÁO GIÁ THEO THÔNG BÁO SỐ: 1257 /TB-BVĐK

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành thư mời báo giá đến trước 09 giờ 00 phút ngày 04/8/2026. (Các báo giá nhận sau thời gian này không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 04/8/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục mời báo giá:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026;

- Cung cấp dịch vụ thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026.

(chi tiết danh mục thuốc generic tại phụ lục II đính kèm)

III. Hồ sơ báo giá:

Bảng báo giá. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

IV. Các thông tin khác:

Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo danh mục chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TXDG, KD.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm thông báo số 1257 /TB-BVĐK, ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh)

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT - Tên gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026 - Giá kế hoạch dự kiến: **12.409.103.500 đồng**	gói	1	
2	Cung cấp dịch vụ thẩm định E-HSMT và thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026	Thẩm định E-HSMT và thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu - Tên gói thầu: thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2026 - Giá kế hoạch dự kiến: **12.409.103.500 đồng**	gói	1	
	Tổng cộng: 02 khoản				

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THUỐC GENERICTẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1257/TB-BVDK ngày 28/7/2026 của Bệnh viện đa khoa Tây Ninh)

STT	Mã HH	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	GEN-9-N1	Lidocain hydroclodrid	Nhóm 1	10%; 38g	khí dung	dung dịch/ hỗn dịch khí dung	chai/lọ/túi/ống	500	175,000	87,500,000
2	GEN-24-N1	Sufentanil citrate	Nhóm 1	50mcg; 1ml	tiêm	thuốc tiêm	chai/lọ/ống	2,000	78,958	157,916,000
3	GEN-131-N1	Pethidin hydroclorid	Nhóm 1	100mg; 2ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	2,500	33,000	82,500,000
4	GEN-151-N1	Calcitonin	Nhóm 1	100IU/ml	tiêm	thuốc tiêm	chai/lọ/ống	2,400	90,000	216,000,000
5	GEN-195-N1	Acetylcystein	Nhóm 1	300mg; 3ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	100	42,000	4,200,000
6	GEN-354-N4	Doripenem*	Nhóm 4	500mg	tiêm	Thuốc bột pha tiêm	chai/lọ	2,400	620,000	1,488,000,000
7	GEN-357-N4	Imipenem + cilastatin*	Nhóm 4	0,75g + 0,75g	tiêm	thuốc tiêm	chai/lọ/túi/ống	5,000	198,000	990,000,000
8	GEN-359-N4	Meropenem*	Nhóm 4	0,5g	tiêm	Thuốc bột pha tiêm	chai/lọ/túi/ống	5,000	12,900	64,500,000
9	GEN-360-N4	Meropenem*	Nhóm 4	1g	tiêm	Thuốc bột pha tiêm	chai/lọ/túi/ống	24,000	24,990	599,760,000
10	GEN-540-N5	Gelatin + Sodium clorid + Sodium hydroxid	Nhóm 5	20g + 3,505g + 0,68g; 500ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	500	120,645	60,322,500
11	GEN-550-N1	Glyceryl trinitrat (nitroglycerin)	Nhóm 1	80mg; 10g	dạng khí dung	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	chai/lọ/túi/ống	2,000	164,700	329,400,000
12	GEN-765-N1	Natri hydrocarbonat	Nhóm 1	4,2%; 250ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	1,200	96,900	116,280,000
13	GEN-782-N4	Natri clorid	Nhóm 4	0,9%; 1.000ml	dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	chai/lọ/túi/ống	12,000	12,999	155,988,000
14	GEN-788-N4	Hydroclorothiazid	Nhóm 4	25mg	uống	viên	viên	10,000	178	1,780,000
15	GEN-875-N1	Lactulose	Nhóm 1	10g; 15ml	uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	chai/lọ/túi/ống	50,000	5,500	275,000,000
16	GEN-993-N1	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Nhóm 1	100UI/ml; 10ml	tiêm	thuốc tiêm	lọ/ống	500	75,000	37,500,000
17	GEN-1022-N4	Huyết thanh kháng uốn ván	Nhóm 4	1.500IU/1ml	tiêm	thuốc tiêm	chai/lọ/túi/ống	12,000	34,852	418,224,000
18	GEN-1033-N4	Acetazolamid	Nhóm 4	250mg	uống	viên	viên	4,000	1,092	4,368,000
19	GEN-1040-N2	Kali iodid + natri iodid	Nhóm 2	(15mg + 15mg)/5ml; 10ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	chai/lọ/ống	2,500	27,600	69,000,000
20	GEN-1048-N4	Olopatadin hydroclorid	Nhóm 4	0,2%; 5ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	chai/lọ/ống	700	88,000	61,600,000
21	GEN-1049-N4	Tetracain	Nhóm 4	0,5%; 10ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	chai/lọ/ống	600	15,015	9,009,000
22	GEN-1119-N4	Acetyl leucin	Nhóm 4	1g; 10ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	24,000	24,150	579,600,000
23	GEN-1156-N4	Budesonid	Nhóm 4	200mcg/liều; 200 liều	xịt mũi	thuốc hít định liều/phun mù định liều	chai/lọ/bình	2,400	160,000	384,000,000
24	GEN-1161-N1	Montelukast natri	Nhóm 1	10mg	uống	viên	viên	10,000	13,502	135,020,000
25	GEN-1161-N2	Montelukast natri	Nhóm 2	10mg	uống	viên	viên	24,000	11,900	285,600,000
26	GEN-1163-N1	Montelukast natri	Nhóm 1	4mg	uống	bột/cốm/hạt pha uống	gói	20,000	11,970	239,400,000
27	GEN-1163-N4	Montelukast natri	Nhóm 4	4mg	uống	bột/cốm/hạt pha uống	gói	6,000	6,200	37,200,000
28	GEN-1164-N2	Montelukast natri	Nhóm 2	5mg	uống	viên	viên	10,000	844	8,440,000

Scanned with CamScanner

Stt	Mã HH	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
29	GEN-1171-N2	Salmeterol + fluticason propionat	Nhóm 2	25mcg + 125mcg; 120 liều	khí dung, dạng hít	thuốc hít định liều/phun mù định liều	chai/lọ/bình	1,800	87,000	156,600,000
30	GEN-17-N1	Midazolam	Nhóm 1	5mg; 1ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	7,500	30,900	231,750,000
31	GEN-27-N1	Rocuronium bromid	Nhóm 1	50mg; 5ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	1,200	87,300	104,760,000
32	GEN-81-N1	Morphin sulfat	Nhóm 1	10mg/ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	2,000	49,968	99,936,000
33	GEN-747-N1	Nimodipin	Nhóm 1	10mg; 50ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	1,200	586,000	703,200,000
34	GEN-924-N1	Octreotid	Nhóm 1	100mcg; 1ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	2,000	99,000	198,000,000
35	GEN-1064-N4	Methyl ergometrin maleat	Nhóm 4	0,2mg/ml; 1ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	3,500	11,700	40,950,000
36	GEN-1065-N4	Oxytocin	Nhóm 4	5IU/1ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	90,000	6,500	585,000,000
37	GEN-1066-N4	Oxytocin	Nhóm 4	10UI/1ml	tiêm	thuốc tiêm	chai/lọ/túi/ống	30,000	10,500	315,000,000
38	GEN-1242-N1	Glucose	Nhóm 1	5%; 500ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	12,000	21,500	258,000,000
39	GEN-1242-N2	Glucose	Nhóm 2	5%; 500ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	12,000	18,600	223,200,000
40	GEN-1253-N1	Magnesi aspartat + kali aspartat	Nhóm 1	400 mg (tương đương 33,7 mg Mg++) + 452 mg (tương đương 103,3 K+); 10ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	40,000	29,090	1,163,600,000
41	GEN-1256-N1	Natri clorid	Nhóm 1	0,9%; 100ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	24,000	16,500	396,000,000
42	GEN-1257-N1	Natri clorid	Nhóm 1	0,9%; 500ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	30,000	20,500	615,000,000
43	GEN-1265-N1	Ringer lactat	Nhóm 1	500ml	tiêm/truyền	thuốc tiêm truyền	chai/lọ/túi/ống	20,000	21,000	420,000,000
	Tổng: 43 mặt hàng									**12,409,103,500**

Scanned with CamScanner